

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Hoạt động của Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 140 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ hoạt động, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ và mối quan hệ của Kiểm soát viên với các cá nhân, tổ chức có liên quan của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Plông.

2. Đối tượng áp dụng Quy chế gồm: Kiểm soát viên, Chủ tịch, Giám đốc Công ty và các cá nhân, tổ chức liên quan đến hoạt động của Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Plông.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu và viết tắt như sau:

1. "Chủ sở hữu thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Kiểm soát viên" (*sau đây viết tắt là Chủ sở hữu*) là Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum có thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

2. "Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Plông" (*sau đây viết tắt là Kiểm soát viên*) là cá nhân do Chủ sở hữu bổ nhiệm, bổ nhiệm lại để giúp Chủ sở hữu kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền của Chủ sở hữu và việc quản lý điều hành công việc sản xuất kinh doanh tại Công ty của Chủ tịch, Giám đốc Công ty.

3. Điều lệ Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Plông viết tắt là Điều lệ Công ty.

4. Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Plông viết tắt là Công ty.

5. Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Plông viết tắt là Chủ tịch, Giám đốc Công ty.

Chương II

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ CỦA KIỂM SOÁT VIÊN VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA KIỂM SOÁT VIÊN VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC LIÊN QUAN

Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành Công ty hoặc là người có liên quan theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

2. Có trình độ chuyên môn bậc đại học trở lên, có khả năng thực hiện kiểm soát và kinh nghiệm nghề nghiệp về tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc kinh nghiệm thực tế về quản lý điều hành, đầu tư trong ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty từ ba (03) năm trở lên.

3. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định khác của Pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Chế độ hoạt động của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trong trường hợp vào thời gian kết thúc nhiệm kỳ mà Chủ sở hữu chưa bổ nhiệm lại thì Kiểm soát viên đã kết thúc nhiệm kỳ vẫn thực thi nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

2. Kiểm soát viên Công ty làm việc theo chế độ chuyên trách; hoạt động độc lập về nghiệp vụ, tuân thủ Pháp luật và chỉ đạo của Chủ sở hữu; đảm bảo tính khách quan, trung thực của các báo cáo, kết luận giám sát và đề xuất của mình khi thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Kiểm soát viên. Tôn trọng Pháp luật và đảm bảo hoạt động bình thường, không gây cản trở đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, không can thiệp vào những công việc ngoài phạm vi, nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Nhiệm vụ của Kiểm soát viên

1. Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh tại Công ty, bao gồm các nội dung:

a) Việc tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản đối với Công ty; việc thành lập mới công ty con là công ty TNHH MTV; việc góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của Công ty vào công ty khác; việc thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác;

b) Việc triển khai thực hiện Điều lệ của Công ty;

c) Việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, hàng năm của Công ty;

d) Việc tăng vốn điều lệ; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn Điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

đ) Việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;

e) Việc thực hiện các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay và các hợp đồng khác của Công ty;

g) Việc thực hiện chế độ tài chính, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng trong Công ty;

i) Các nhiệm vụ khác do Chủ sở hữu quy định.

2. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình Chủ sở hữu hoặc các cơ quan Nhà nước có liên quan; trình Chủ sở hữu Công ty báo cáo thẩm định. Thẩm định Báo cáo tình hình quản lý và thu hồi nợ, xử lý nợ tồn đọng, khả năng và tình hình thanh toán nợ của Công ty.

3. Kiến nghị Chủ sở hữu các giải pháp hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty.

4. Các nhiệm vụ khác quy định tại điều lệ Công ty hoặc theo yêu cầu, quyết định của Chủ sở hữu.

Điều 6. Quyền hạn của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của Công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công ty để nghiên cứu, xem xét phục vụ thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

2. Được cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu, báo cáo về các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch, Giám đốc Công ty có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác do chủ sở hữu giao.

3. Tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng thành viên, họp Ban Giám đốc, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát Công ty. Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp có quyền phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật doanh nghiệp năm 2020.

4. Được sử dụng con dấu của Công ty cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên theo quy định. Công ty phối hợp với Kiểm soát viên xây dựng quy chế sử dụng con dấu bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Kiểm soát viên được đào tạo nghiệp vụ kiểm soát. Trường hợp cần thiết, Kiểm soát viên được quyền yêu cầu tư vấn của các chuyên gia, tổ chức chuyên ngành để phục vụ công tác của Kiểm soát viên sau khi được sự đồng ý bằng văn bản của Chủ sở hữu. Chi phí thuê chuyên gia, tổ chức chuyên ngành và chi phí hoạt động khác của Kiểm soát viên do Chủ sở hữu quyết định trên cơ sở đề nghị của Kiểm soát viên, được sự đồng ý của Chủ tịch Công ty và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật.

6. Thực hiện các quyền khác theo quy định của Pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định của Chủ sở hữu trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Chủ sở hữu về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Chủ sở hữu.

3. Trung thành với lợi ích của Nhà nước và công ty. Quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của Chủ sở hữu và quy định của Công ty. Không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin và thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Chủ sở hữu về các doanh nghiệp mà Kiểm soát viên và người có liên quan của Kiểm soát viên làm chủ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

5. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Chủ sở hữu về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, vấn đề tài chính của Công ty và việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

6. Chủ động báo cáo và khuyến nghị kịp thời đến Chủ sở hữu về những hoạt động bất thường, trái với Pháp luật; chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu và trước Pháp luật về các hành vi cố ý bỏ qua hoặc bao che cho các vi phạm.

7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Quy chế này, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 8. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được hưởng tiền lương, thù lao và lợi ích khác theo kết quả hoạt động kiểm soát, kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Chủ sở hữu quyết định mức và chế độ chi trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ và quy định của Pháp luật.

3. Chế độ chi trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên thực hiện theo các quy định Pháp luật hiện hành.

4. Kiểm soát viên chuyên trách được hưởng chế độ ưu đãi, phúc lợi và tham gia các hoạt động như cán bộ, nhân viên khác tại Công ty.

Điều 9. Mối quan hệ giữa Kiểm soát viên và Chủ sở hữu

1. Chủ sở hữu có trách nhiệm:

a) Ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại Công ty gồm các nội dung về chế độ hoạt động, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ của Kiểm soát viên, quy trình thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và báo cáo khác của công ty giao cho Kiểm soát viên thực hiện, việc phối hợp thực hiện và các nội dung cần thiết khác phù hợp với điều kiện của công ty;

b) Giám sát, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của Kiểm soát viên do mình bổ nhiệm;

c) Thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Kiểm soát viên theo quy định của Pháp luật hiện hành.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm:

a) Xây dựng Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại Công ty, trình Chủ sở hữu phê duyệt;

b) Xây dựng chương trình công tác năm, trình Chủ sở hữu phê duyệt trong quý I hàng năm. Kiểm soát viên làm việc theo chương trình công tác năm đã được phê duyệt. Đối với những trường hợp cần phải kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót và không gây thiệt hại cho Công ty, Kiểm soát viên có thể chủ động thực hiện nhưng phải báo cáo Chủ sở hữu trong thời gian sớm nhất;

c) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc quý và ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc năm, Kiểm soát viên phải gửi Chủ sở hữu báo cáo bằng văn bản về tình hình và nội dung hoạt động của Kiểm soát viên tại Công ty quy định tại Điều 5 Quy chế này và dự kiến phương hướng, kế hoạch hoạt động trong kỳ tới.

d) Đối với những văn bản, báo cáo của Công ty cần có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên, trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, báo cáo, Kiểm soát viên phải gửi báo cáo thẩm định bằng văn bản đến Chủ sở hữu;

đ) Trong quá trình làm việc, Kiểm soát viên cần phát hiện sớm những sai phạm, những hoạt động có dấu hiệu vi phạm Pháp luật, ghi nhận lại sự việc, hiện trạng, nêu khuyến cáo, đồng thời chủ động thông báo ngay với Chủ sở hữu và Chủ tịch Công ty để có biện pháp xử lý.

Điều 10. Mối quan hệ giữa Kiểm soát viên và Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty

1. Công ty, Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty có quyền được Chủ sở hữu thông tin đầy đủ, kịp thời về việc bổ nhiệm Kiểm soát viên, chế độ hoạt động và nội dung nhiệm vụ của Kiểm soát viên tại Công ty.

2. Trường hợp Kiểm soát viên có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty hoặc vi phạm các quy định của Pháp luật, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được Chủ sở hữu giao, Công ty có quyền báo cáo Chủ sở hữu và thông báo cho Kiểm soát viên biết.

Sau khi nhận được báo cáo của Công ty, Chủ sở hữu xem xét, kết luận và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời.

3. Công ty phải bảo đảm gửi thông tin đến Kiểm soát viên cùng một thời điểm và phương thức như đối với Chủ tịch và Giám đốc đối với các nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên.

4. Chủ tịch Công ty, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về việc triển khai, thực hiện các nội dung quy định tại Điều 5 của Quy chế này; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác về các thông tin, tài liệu, báo cáo cung cấp cho Kiểm soát viên; thu xếp cơ sở vật chất và tạo điều kiện cho Kiểm soát viên tham gia các cuộc họp, tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Khi Kiểm soát viên gửi báo cáo đến Chủ sở hữu thì đồng thời gửi cho Công ty, trừ trường hợp có quy định khác của Chủ sở hữu. Trường hợp Công ty có ý kiến khác Kiểm soát viên thì trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Công ty có quyền đề nghị Chủ sở hữu trả lời đối với những vấn đề có ý kiến khác nhau.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này được áp dụng trong toàn Công ty. Chủ tịch công ty, Ban giám đốc, Kiểm soát viên, các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động Kiểm soát viên chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Quy chế này được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế trong các trường hợp sau:

- Khi Nhà nước ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định Pháp luật mới liên quan đến hoạt động của Kiểm soát viên;

- Trong quá trình thực hiện, Chủ sở hữu xét thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Quy chế.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Công ty phải được Chủ sở hữu xem xét quyết định./.
